

BÁO CÁO

Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2024

Kính gửi: Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo và Cung ứng nhân lực,
Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Trên cơ sở kết quả khảo sát từ tháng 10/2025 đến 30/11/2025, Trường Đại học Lâm nghiệp xin báo cáo kết quả khảo sát như sau:

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP;

Địa chỉ: Xã Xuân Mai, Thành Phố Hà Nội;

Email: phongktdbcl@vnuf.edu.vn;

Địa chỉ công bố báo cáo: <http://vnuf.edu.vn>.

1. Mục đích khảo sát

Việc khảo sát sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp của Trường Đại học Lâm nghiệp để cung cấp thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; thời gian có việc làm sau khi tốt nghiệp; khu vực làm việc hiện nay; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành; có liên quan đến ngành hoặc không liên quan đến ngành đào tạo; Mức thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp; tạo kênh thông tin giúp Nhà trường nghiên cứu điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo, điều chỉnh bổ sung, cập nhật nội dung, chương trình giảng dạy nhằm nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm; minh chứng cho Báo cáo tự đánh giá hàng năm của Nhà trường.

2. Quy trình thực hiện

Đối tượng khảo sát: Sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp theo chuyên ngành đào tạo đã tốt nghiệp năm 2024;

Phương thức khảo sát: Thông qua các phiếu khảo sát (online); qua Facebook, Zalo của các lớp, Khoa/Viện đào tạo, qua Email và gọi điện trực tiếp cho sinh viên;

Thời gian thực hiện: Từ tháng 10/2025 – 30/11/2025.

Số sinh viên tốt nghiệp năm 2024: 428 sinh viên.

Số sinh viên khảo sát: 428 sinh viên.

Số sinh viên phản hồi: 275 sinh viên (đạt tỷ lệ 66,8%).

3. Kết quả

3.1. Số sinh viên phản hồi khảo sát theo ngành đào tạo

Kết quả số sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát là 275/428 với tỷ lệ 66,8%, kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1: Số lượng sinh viên phản hồi chia theo ngành đào tạo

TT	Tên ngành đào tạo	Số SVTN	Số SV phản hồi	Tỷ lệ
1	Công nghệ chế biến lâm sản	4	2	50,0%
2	Thiết kế nội thất	16	13	81,3%
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7	5	71,4%
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	23	14	60,9%
5	Kỹ thuật cơ khí	3	3	100,0%
6	Kỹ thuật công trình xây dựng	8	6	75,0%
7	Kiến trúc cảnh quan	5	5	100,0%
8	Lâm nghiệp đô thị	6	5	83,3%
9	Công nghệ sinh học	2	2	100,0%
10	Thú y	40	34	85,0%
11	Bất động sản	1	1	100,0%
12	Quản lý đất đai	47	11	23,4%
13	Khoa học cây trồng	2	2	100,0%
14	Lâm sinh	15	11	73,3%
15	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (CTTT)	4	3	75,0%
16	Quản lý tài nguyên rừng	28	25	89,3%
17	Quản lý tài nguyên và MT	13	11	84,6%
18	Khoa học môi trường	1	1	100,0%
19	Du lịch sinh thái	5	5	100,0%
20	Quản trị kinh doanh	40	34	85,0%
21	Kế toán	86	50	58,1%
22	Kinh tế	8	1	14,3%
23	Hệ thống thông tin	22	12	100,0%
24	Công tác xã hội	13	7	54,5%
25	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	29	22	53,8%
	Tổng	428	286	66,8%

3.2. Về tình hình việc làm của sinh viên

Theo số liệu khảo sát, có 275 sinh viên đã có việc làm tỷ lệ là 96,2% (275/289). Trong số 275 đã xin được việc làm có: 26 sinh viên có việc làm và tiếp tục học nâng cao.

Bảng 2: Tình hình việc làm của sinh viên

TT	Tình trạng việc làm	Số lượng	Tỷ lệ	Tiếp tục học
1	Có việc làm	275	96,2	26
2	Chưa có việc làm	11	3,8	3
3	Tổng	289	100	29

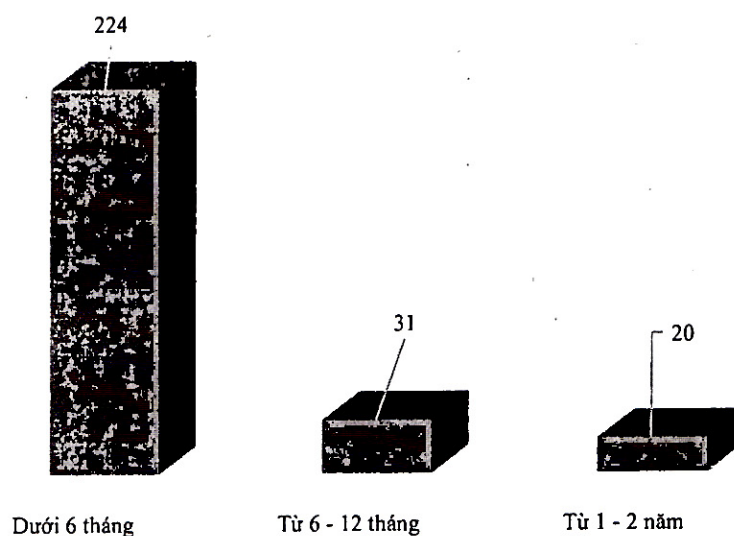
3.3. Khu vực làm việc của sinh viên

Chiếm tỷ lệ cao nhất là các sinh viên tốt nghiệp làm khu vực tư nhân (164 sinh viên): Chủ yếu tập trung ở các khu công nghiệp; các doanh nghiệp liên doanh,... Làm việc trong khu vực nhà nước (75 sinh viên) chủ yếu tập trung trong khu vực: Văn phòng của các sở, ban ngành; các trường đại học,... Số lượng sinh viên tự tạo việc làm và có yếu tố nước ngoài lần lượt là 25 và 11 sinh viên.

3.4. Thời gian sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất (81,5%), cụ thể như sau:

Hình 1: Thời gian sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm



Thời gian SV tốt nghiệp có việc làm

3.5. Sự phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo của sinh viên

Tỷ lệ sinh viên phản hồi về sự phù hợp của việc làm đúng với ngành đào tạo, có liên quan với ngành đào tạo, không liên quan với ngành đào tạo ở Trường Đại học Lâm nghiệp có sự chênh lệch không cao.

Bảng 3: Sự phù hợp của công việc với ngành đào tạo

TT	Sự phù hợp của công việc với ngành đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đúng ngành đào tạo	152	55,3
2	Có liên quan với ngành đào tạo	72	26,2
3	Không liên quan ngành đào tạo	51	18,5
	Tổng	275	100

Handwritten signature

3.6. Mức thu nhập bình quân/tháng

Mức thu nhập bình quân/tháng của sinh viên đa số ở mức từ 6 đến 10 triệu đồng. Đây chưa phải là mức thu nhập quá cao nhưng so với mặt bằng chung hiện nay thì đây là mức thu nhập tương đối tốt.

Bảng 4: Mức thu nhập bình quân/tháng

TT	Mức thu nhập bình quân	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Từ 2 – 4 triệu	5	1,8
2	Từ 4 - 6 triệu	60	21,8
3	Từ 6 - 10 triệu	119	43,3
4	Từ 10 - 15 triệu	64	23,3
5	Trên 15 triệu	27	9,8
	Tổng	275	100

4. Khó khăn trong quá trình khảo sát

- Vẫn còn một số cựu sinh viên không phản hồi trên hệ thống khảo sát, người phụ trách phải chọn phương án gọi điện thoại nên mất rất nhiều thời gian;
- Cựu sinh viên thay đổi thông tin liên lạc sau khi ra trường do đó người phụ trách khảo sát rất khó để có thể liên hệ nhắc sinh viên;
- Cựu sinh viên nhiều khi không muốn trả lời khảo sát dù Trường đã cố gắng liên hệ qua nhiều kênh (email; gọi điện; Facebook; zalo...).

5. Đề xuất và kiến nghị: Không

Kết quả khảo sát và tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp trong năm 2024 được thể hiện chi tiết và được gửi kèm Báo cáo này gồm các Biểu mẫu số 01; Biểu mẫu số 02; Biểu mẫu số 03 theo Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH, ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Toại

PHỤ LỤC I

(Kèm theo công văn số 1153/ĐHLN-KTĐBCL ngày 16/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

Mẫu số 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2024

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực việc làm				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	4	0	2	0	1	0	0	1	1	50,0	50,0	1	0	0	0	
2	7580108	Thiết kế nội thất	16	4	13	4	7	5	1	3	0	100,0	100,0	2	11	0	0	
3	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7	0	5	0	3	2	0	0	0	100,0	71,4	0	5	0	0	
4	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	23	0	14	0	9	1	4	3	0	100,0	73,9	2	7	3	2	
5	7520103	Kỹ thuật cơ khí	3	0	3	0	2	0	1	1	0	100,0	100,0	0	3	0	0	
6	7580201	Kỹ thuật xây dựng	8	0	6	0	3	3	0	0	0	100,0	75,0	0	6	0	0	
7	7580102	Kiến trúc cảnh quan	5	0	5	0	4	1	0	0	0	100,0	100,0	0	5	0	0	
8	7620202	Lâm nghiệp đô thị	6	1	5	1	3	0	1	1	1	80,0	83,3	0	3	0	1	
9	7420201	Công nghệ sinh học	2	1	2	1	2	0	0	2	0	100,0	100,0	1	0	0	1	
10	7640101	Thú y	40	11	34	10	34	0	0	0	0	100,0	85,0	5	22	7	0	
11	7340116	Bất động sản	1	1	1	1	1	0	0	0	0	100,0	100,0	0	1	0	0	
12	7850103	Quản lý đất đai	47	13	11	5	6	3	2	2	0	100,0	27,7	7	4	0	0	
13	7620110	Khoa học cây trồng	2	0	2	0	1	0	1	0	0	100,0	100,0	0	2	0	0	
14	7620205	Lâm sinh	15	3	11	3	5	1	4	3	1	90,9	86,7	4	3	2	1	
15	7850106	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (TA)	4	2	3	1	1	1	1	2	0	100,0	125,0	1	1	0	1	
16	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	28	3	25	2	10	2	9	5	4	84,0	92,9	10	6	3	2	
17	7850101	Quản lý tài nguyên và MT	13	6	11	6	4	1	4	4	2	81,8	100,0	2	4	2	1	
18	7440301	Khoa học môi trường	1	0	1	0	0	0	1	0	0	100,0	100,0	0	1	0	0	
19	7850104	Du lịch sinh thái	5	3	5	3	1	1	3	2	0	100,0	100,0	1	2	0	2	
20	7340101	Quản trị kinh doanh	40	23	34	18	14	13	7	0	0	100,0	85,0	9	23	2		
21	7340301	Kế toán	86	68	50	44	26	17	5	0	2	96,0	55,8	26	17	5	0	

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực việc làm				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
22	7310101	Kinh tế	8	3	2	1	2	0	0	0	0	100,0	37,5	0	3	0	0	
23	7480104	Hệ thống thông tin	22	4	12	4	0	11	1	0	0	100,0	54,5	0	11	1	0	
24	7760101	Công tác xã hội	13	8	7	4	2	2	3	0	0	100,0	53,8	4	3	0	0	
25	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	29	22	22	17	11	8	3	0	0	100,0	75,9	0	22	0	0	
		Tổng	428	176	286	125	152	72	51	29	11			75	164	25	11	

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL



Nguyễn Hữu Cường